

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST
Ngày 18/9/2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Chính
2. Ông Phạm Anh Tuấn

- Thư ký phiên toà: Bà Mai Thị Thanh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Lương Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 58/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 46/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trịnh Thị H**, sinh năm 1986; nơi ĐKKHKT: **Thôn T, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng**, nơi ở hiện tại: **Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng**, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Bùi Thế H1**, sinh năm 1975; nơi ĐKKHKT: **N, Tổ B, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng**; nơi ở hiện tại: **Số F T, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng**, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 3 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị **Trịnh Thị H** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trịnh Thị H** và anh **Bùi Thế H1** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân phường V, quận K, thành phố Hải Phòng** vào ngày 07/12/ 2016.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019, sau đó nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H1 luôn có thái độ khinh thường, không tôn trọng vợ, luôn chửi bới, xúc phạm chị H. Đã nhiều lần chị H khuyên anh H1 không nên đối xử với chị như vậy nhưng anh H1 không thay đổi. Anh H1 hay sử dụng rượu, mỗi lần uống rượu là anh lại chửi, lăng nhục, chị H. Gia đình hai bên đã khuyên can nhiều lần nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Ngày 23/8/2022, anh H1 có uống rượu và đánh chị H. Nên chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ chị H để ở, sau đó chị lại quay về nhà. Nhưng khi chị về nhà thì tình trạng mâu thuẫn vợ chồng vẫn trầm trọng, mỗi lần anh H1 uống rượu say lại đi tìm dao uy hiếp chị H làm chị H rất sợ. Hiện nay, chị H đã quay về nhà mẹ đẻ để ở và vợ chồng ly thân. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị H có làm đơn xin ly hôn với anh H1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Đại N và cháu Bùi Việt N1, đều sinh ngày 24/03/2020. Ly hôn, chị H đề nghị chị trực tiếp nuôi con do 02 con còn nhỏ, cần mẹ chăm sóc, hiện hai con cũng đang ở với chị H.

Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Bùi Thế H1 trình bày: Thống nhất với lời trình bày của chị H về quá trình tìm hiểu và kết hôn. Trong thời gian sinh sống vợ chồng cũng có mâu thuẫn nhưng là mâu thuẫn nhỏ, không nghiêm trọng, anh H1 vẫn yêu vợ và không đồng ý ly hôn, nếu anh H1 có lỗi thì anh H1 sẽ sửa sai và mong chị H quay về nhà đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có con chung như chị H trình bày là đúng, vì không đồng ý ly hôn nên anh không có ý kiến về vấn đề con chung. Còn trong trường hợp chị H vẫn cương quyết ly hôn, thì anh H1 hoặc chị H phải nuôi cả hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Anh H1 không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, chị H trình bày chị làm công việc bán hàng tạp hoá, thu nhập thực tế hơn 10 triệu đồng/tháng, anh H1 trình bày anh làm nghề lái xe thu nhập thực tế hơn 10 triệu đồng/tháng. Cả chị H, anh H1 đều không muốn tách hai con và chị H đề nghị giao chị H nuôi cả hai con chung, anh H1 đề nghị anh H2 nuôi cả hai con chung. Chị H hiện ở với mẹ đẻ tại huyện A, anh H1 ở với mẹ đẻ tại quận K.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân

và gia đình; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trịnh Thị H** được ly hôn với anh **Bùi Thế H1**; Về con chung: Giao 02 con chung là cháu **Bùi Đại N** và cháu **Bùi Việt N1**, đều sinh ngày 24/03/2020 cho chị **Trịnh Thị H** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung: Chị **Trịnh Thị H**, anh **Bùi Thế H1** không yêu cầu nên không giải quyết. Về án phí: Chị **H** phải chịu án phí sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- *Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung; bị đơn có nơi ở hiện tại tại **phường V, quận K, thành phố Hải Phòng**, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

- *Về nội dung:*

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các đương sự, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, tài liệu do Tòa án thu thập đủ cơ sở xác định: Chị **Trịnh Thị H** và anh **Bùi Thế H1** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân phường V, quận K, thành phố Hải Phòng** vào ngày 7/12/2016. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân của chị **Trịnh Thị H** và anh **Bùi Thế H1** là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do nguyên nhân từ bất đồng tính cách không hòa hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng căng thẳng nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, anh **H1** không tôn trọng chị **H**, thường xuyên chửi bới chị đặc biệt là mỗi lần sử dụng rượu. Do mâu thuẫn trầm trọng nên hiện vợ chồng đã sống ly thân, chị **H** không còn quan tâm và xác định không còn trách nhiệm với anh **H1**. Xét thấy, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị **H** được ly hôn với anh **H1**.

[4] Về con chung: Chị **Trịnh Thị H** và anh **Bùi Thế H1** có 02 con chung là cháu **Bùi Đại N** và cháu **Bùi Việt N1**, đều sinh ngày 24/03/2020. Ly hôn cả chị **H** và anh **H1** đều đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho anh, chị trực tiếp nuôi dưỡng. Xét 02

con của chị **H** và anh **H1** hiện vẫn còn nhỏ, đang ở với chị **H**, được chị chăm sóc tốt. Chị **H** hiện ở cùng với mẹ đẻ và có công việc bán hàng tạp hoá với thu nhập thực tế hơn 10.000.000đ/tháng. Nên chị **H** có đủ điều kiện nuôi con chung, để đảm bảo mọi mặt phát triển của con, cần giao 02 con chung là cháu **Bùi Đại N** và cháu **Bùi Việt N1** cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Anh **H1**, chị **H** không đề nghị giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị **H** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trịnh Thị H** được ly hôn với anh **Bùi Thế H1**.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu **Bùi Đại N** và cháu **Bùi Việt N1**, đều sinh ngày 24/03/2020 cho chị **Trịnh Thị H** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị **Trịnh Thị H**, anh **Bùi Thế H1** không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về chia tài sản chung vợ chồng: Chị **Trịnh Thị H**, anh **Bùi Thế H1** không yêu cầu nên không giải quyết.

5. Về án phí: Chị **Trịnh Thị H** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004866 ngày 26/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Chị **Trịnh Thị H** đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Kiến An;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, T.P Hải Phòng;
- UBND phường Văn Đẩu (GCN kết hôn số 88/2016 ngày 07/12/2016);
- TAND TP. Hải Phòng;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Ngọc Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Chính Phạm Anh Tuấn

Phạm Thị Ngọc Nga

